

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

bà Lại Thị Thúy Hằng

bà Trương Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện CM tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Cao Thị L, sinh năm: 1985

Địa chỉ: thôn 4, xã NV, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* anh Trần Công B, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp L, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(chị L và anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản đối chất, đơn đề nghị không hòa giải, đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn là chị Cao Thị L trình bày: trên cơ sở tự nguyện, chị và anh B đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã X vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm. Vợ chồng ly thân từ thời điểm chị về nhà mẹ đẻ sinh con đến nay cũng đã hơn 10 năm. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị xác định không còn thương yêu anh B, vợ chồng không sống chung trong thời gian dài nên chị yêu cầu được ly hôn anh B.

Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Công B1, sinh ngày: 25/3/2010. Cháu B1 sống cùng mẹ từ nhỏ đến nay nên chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con. Không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Theo bản tự khai, biên bản đối chất, đơn xin vắng mặt, bị đơn là anh Trần Công B trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị L về quá trình tiến tới hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, diễn biến đời sống vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Vì vợ chồng bất đồng quan điểm nên không thể chung sống và đã ly thân hơn 10 năm. Hiện anh cũng không còn tình cảm với chị L nên đồng ý ly hôn. Khi ly hôn đồng ý giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) năm 2014 và quy định tại các điều 85, 89, 91, 92, 93 và 94 của Luật HN&GD năm 2000 để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị cho chị L và anh B ly hôn; về con chung: đề nghị giao cháu B1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét; về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Cao Thị L có đơn khởi kiện đối với anh Trần Công B yêu cầu ly hôn và giải quyết giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định nên xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị L là nguyên đơn, anh B là bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện CM.

Nguyên đơn (chị Cao Thị L) và bị đơn (anh Trần Công B) đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Cao Thị L và anh Trần Công B đã đăng ký kết hôn và được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 08/5/2010, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L nhận thấy: chị L và anh B thống nhất mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng ly thân đã hơn 10 năm nay là do hai người bất đồng quan điểm tới mức không thể sống chung. Thời gian ly thân quá dài khiến tình cảm vợ chồng không còn nên hai người đều yêu cầu được ly hôn. Do đó HĐXX ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị L và anh B là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về con chung: hai đương sự thống nhất có một con chung là cháu Trần Công B1, sinh ngày: 25/3/2010. Khi ly hôn, cả hai đương sự đều thống nhất giao cháu B1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Thỏa thuận về việc giao quyền nuôi con

của các đương sự phù hợp với ý kiến của cháu B1 nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Về cấp dưỡng cho con: chị L không yêu cầu nên tạm thời anh B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Cao Thị L phải nộp án phí theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 9, 11, 12 của Luật HN&GD năm 2000; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật HN&GD năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Cao Thị L và anh Trần Công B được ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Trần Công B, sinh ngày: 25/3/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản; và khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Cao Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001065 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; chị L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Hà Thế Nam